

CÔNG KHAI THỰC HIỆN
CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Chính sách, chế độ	Kết quả thực hiện năm 2025		Ghi chú
		Số đối tượng	Kinh phí NSNN thực hiện chính sách	
A	B	1	2	3
	Tổng số	947	1.457.294.500	
I	Kinh phí thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều mới	947	1.452.644.500	
1	Các chính sách thuộc sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	947	1.452.644.500	
1.1	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	549	300.012.500	
-	Cấp bù miễn, giảm học phí	120	10.962.500	
+	Miễn học phí	23	2.875.000	
+	Hỗ trợ 70% học phí	81	7.087.500	
+	Hỗ trợ 50% học phí	16	1.000.000	
-	Hỗ trợ chi phí học tập	429	289.050.000	
1.2	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013	-	-	
-	Hỗ trợ học bổng 80% mức lương cơ sở			
-	Hỗ trợ mua phương tiện đồ dùng học tập 01 trđ/người/năm học.			
1.3	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP	398	1.152.632.000	
-	Hỗ trợ học bổng và chi khác (đối với các trường DTNT)			
-	Hỗ trợ tiền ăn	199	832.232.000	
-	Hỗ trợ tiền nhà ở	199	320.400.000	
-	Hỗ trợ Trường PTDT bán trú mua sắm dụng cụ, tủ thuốc dùng chung			
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức nấu ăn cho trường			
III	Một số chế độ, chính sách khác	-	4.650.000	
1	Chính sách hỗ trợ về giáo dục theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông		4.650.000	
	Học kỳ II năm học 2024-2025	7	2.250.000	
	Học kỳ I năm học 2025-2026	4	2.400.000	

Quảng Phú, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Trịnh Đức Tiến